TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 24/2024/DS-PT
Ngày 29/01/2024
Về *"Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tiến, bà Trần Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Tuyết Trinh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thắng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai theo hình thực trực tuyến tại điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 200/TBTL-TA ngày 26/10/2023 về *"Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 691/2024/QĐ-PT ngày 02/01/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Làng R, xã A, huyện C, tỉnh Gia Lai; địa chỉ cư trú: tổ G, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

Người đại diện theo giấy ủy quyền lập ngày 11/01/2022 của nguyên đơn là bà Hứa Thị Trung N; địa chỉ: A L, tổ F, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt.

Bị đơn: ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: A đường N, tổ H, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Đặng Văn V - Văn phòng Luật sư Ngô Hoài P, Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: Tầng F, Tòa nhà T, số B N, quận T, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T1; địa chỉ: Tổ E, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thu S; địa chỉ: Tổ H, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn T2; địa chỉ: A đường N, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Kim C; địa chỉ: Tổ E, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt

5. Bà Nguyễn Thị Thu U; địa chỉ: Tổ E, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt

6. Bà Nguyễn Thị Lâm T3; địa chỉ: F C, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Văn Q; địa chỉ: Tổ D, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị Tuyết N1; địa chỉ: Tổ C, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Bà Nguyễn Thị Kim C*, bà* Nguyễn Thị Thu U*, bà* Nguyễn Thị Thu S*, ông* Nguyễn Văn T1*, ông* Nguyễn Văn Q *ủy quyền cho* bà Hứa Thị Trung N; địa chỉ: A L, tổ F, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, bà N có mặt.

9. Văn phòng công chứng Đặng Minh K (trước đây là Văn phòng C2), tỉnh Gia Lai; địa chỉ: F P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G; địa chỉ: A T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo Văn bản ủy quyền số 522/STNMT-TTr ngày 10/02/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G *là* ông Trịnh Văn L (Phó giám đốc Văn phòng Đ Chi nhánh thành phố P), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 07/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H *và người đại diện theo ủy quyền của ông* H *bà* Hứa Thị Trung N *trình bày:*

Cha mẹ là vợ chồng cụ Nguyễn Văn T4 sinh năm 1937 và cụ Vương Thị T5 sinh năm 1937, không nuôi con nuôi, không ai có con riêng mà có 10 con chung gồm: ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1960), ông Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1962), ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1964), bà Nguyễn Thị Thu S (sinh năm 1966), ông Nguyễn Văn T2 (sinh năm 1968), bà Nguyễn Thị Kim C (sinh năm 1971), bà Nguyễn Thị Thu U (sinh năm 1973), bà Nguyễn Thị Lâm T3 (sinh năm 1975), ông Nguyễn Văn Q (sinh năm 1977) và bà Nguyễn Thị Tuyết N1 (sinh năm 1981).

Cụ T4 và cụ T5 tạo lập và được UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số phát hành BA 551243 ngày 03/02/2010 đối với thửa đất số 92, tờ bản đồ số

54, diện tích 870m^2 (gồm 100m^2 đất ở, 770m^2 đất trồng cây lâu năm). Sau 2 lần tặng cho ông Nguyễn Văn T 540m^2 đất trồng cây lâu năm (lần thứ nhất 454m^2, lần thứ hai 86m^2) thì tính đến ngày 12/12/2012 cụ T4, cụ T5 còn lại quyền sử dụng 330m^2 đất gồm 100m^2 đất ở, 230m^2 đất trồng cây lâu năm và Nhà cấp 4B 1 tầng, diện tích xây dựng 99,66m^2 gắn liền trên đất.

Ngày 17/6/2013, cụ T4, cụ T5 lập ***Di chúc*** tại Văn phòng C2, tỉnh Gia Lai (nay là Văn phòng C3) với ý nguyện: *"Tài sản chung của vợ chồng chúng tôi là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 551243 do* UBND thành phố P*, tỉnh Gia Lai cấp ngày 03/2/2010 đối với thửa đất số 92, tờ bản đồ số 54,* tổ H, phường H, T, tỉnh Gia Lai*, diện tích 330m^2 gồm 100m^2 đất ở và 230m^2 đất trồng cây lâu năm gắn liền với đất là nhà cấp 4 B, 1 tầng, diện tích xây dựng 99,66m^2...Sau khi chúng tôi chết, tài sản nêu trên của chúng tôi được dùng để làm nhà từ đường, thờ cúng ông bà, giao cho con trai chúng tôi là* Nguyễn Văn T *quản lý, sử dụng, thu hoa lợi, để tu bổ nhà từ đường và giỗ chạp, hương khói, không được chuyển nhượng, hoặc thế chấp"*.

Ngày 03/12/2015 cụ T4 chết, ngày 26/11/2013 cụ T5 chết. Ngày 20/4/2016 tại Văn phòng C2, ông Nguyễn Văn T lập Văn bản khai nhận di sản thừa kế theo di chúc: *"nay bằng văn bản này tôi khai nhận toàn bộ di sản do bố mẹ tôi là ông* Nguyễn Văn T4 *và bà* Vương Thị T5 *chết để lại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên. Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo nội dung Di chúc"*. Ông T xin chỉnh lý đứng tên và ngày 06/6/2016 Chi nhánh văn phòng đăng ký Đất đai thành phố Đ ghi vào trang sau *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số phát hành BA 551243 do UBND thành phố P cấp đứng tên cụ Nguyễn Văn T4, Vương Thị T5 ngày 03/02/2010 đối với thửa đất số 92, tờ bản đồ số 54, diện tích 870m^2 gồm 100m^2 đất ở và 770m^2 đất trồng cây lâu năm, nội dung chỉnh lý: *"Thay thửa đất 92 thành thửa đất 171 do đánh lại số thứ tự theo bản đồ địa chính, để thừa kế cho ông* Nguyễn Văn T*"*. Ông T xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 13/6/2016 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số phát hành CD 606774 cho *"Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất:* ***ông*** Nguyễn Văn T *quyền sử dụng thửa đất số 171, tờ bản đồ số 54,* tổ H, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai *diện tích 330m^2 gồm 100m^2 đất ở và 230m^2 đất trồng cây lâu năm"* (không chứng nhận quyền sở hữu nhà).

Ông Nguyễn Văn H cho rằng cha mẹ lập ***Di chúc*** chỉ giao cho ông Nguyễn Văn T quản lý, sử dụng 330m^2 đất gồm 100m^2 đất ở, 230m^2 đất trồng cây lâu năm gắn liền đất là Nhà cấp 4 B, 1 tầng diện tích xây dựng 99,66m^2 dùng vào việc thờ cúng, nhưng ông T làm thủ tục xin đứng tên riêng ông T quyền sở hữu nhà đất là không đúng; sau khi đứng tên riêng nhà đất mà cha mẹ để lại dùng vào việc thờ cúng, ông T hiện nay còn rao bán nhà đất là trái ý nguyện của cha mẹ trong ***Di Chúc***, ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế; do đó, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố ***Di chúc*** và Văn bản khai

nhận di sản thừa kế vô hiệu, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp cho ***ông*** Nguyễn Văn T ngày 13/6/2016, chia thừa kế theo pháp luật di sản của cha mẹ và giao nhà đất cho ông Nguyễn Văn H quản lý, sử dụng dùng vào việc thờ cúng theo đúng ý nguyện của cha mẹ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T*:* không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (các con khác của vợ chồng cụ T4, cụ T5) vì cha mẹ đã lập ***Di chúc*** giao cho ông T toàn quyền quản lý, sử dụng nhà đất dùng vào việc thờ cúng và ông T luôn thực hiện đúng ý nguyện của cha mẹ.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông* Nguyễn Văn T1*, ông* Nguyễn Văn Q*, bà* Nguyễn Thị Thu S*, bà* Nguyễn Thị Thu U *và bà* Nguyễn Thị Kim C *(5 con cụ* T4*, cụ* T5*)* thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Văn H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà* Nguyễn Thị Lâm T3*, bà* Nguyễn Thị Tuyết N1 *và ông* Nguyễn Văn T2 *(3 con cụ* T4*, cụ* T5*)*thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Văn H về di sản thừa kế, hàng thừa kế di sản của cha mẹ, nhưng cho rằng cha mẹ đã lập ***Di chúc*** để lại nhà đất dùng vào việc thờ cúng nên cần tôn trọng ý nguyện của cha mẹ; ông T2 còn có thêm ý kiến là nếu Tòa án chia thừa kế di sản của cha mẹ thì ông T2 từ chối nhận kỷ phần thừa kế.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan* Văn phòng C2*, tỉnh Gia Lai (nay là* văn phòng C3*) trình bày:* ngày 17/6/2013 cụ T4, cụ T5 đến Văn phòng C4 để lại 330m^2 đất gồm 100m^2 đất ở, 230m^2 đất trồng cây lâu năm, trên đất gắn liền Nhà cấp 4 B, 1 tầng diện tích xây dựng 99,66m^2 (là phần còn lại của thửa đất số 92, tờ bản đồ số 54 địa chỉ tổ H, phường I, thành phố P diện tích 870m^2 mà cụ T4, cụ T5 được UBND thành phố P cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* ngày 03/02/2010) để làm nhà từ đường, thờ cúng ông bà, giao cho ông Nguyễn Văn T quản lý, thu hoa lợi để tu bổ nhà từ đường, giỗ chạp, hương khói. Sau khi cụ T4, cụ T5 chết thì ngày 28/3/2016, ông Nguyễn Văn T đến Văn phòng C2 lập và yêu cầu chứng thực Văn bản khai nhận di sản thừa kế theo nội dung Di chúc. Sau khi tiếp nhận yêu cầu, Văn phòng tiến hành kiểm tra hồ sơ ông T nộp, tiến hành các thủ tục liên quan đến việc khai nhận di sản thừa kế và sau 15 ngày niêm yết công khai tại trụ sở UBND phường I không có khiếu nại nên Văn phòng đã công chứng Văn bản khai nhận di sản thừa kế theo đúng nội dung Di chúc cụ T4, cụ T5 lập ngày 17/6/2013. Văn phòng cho rằng việc Văn phòng C4 do cụ T4, cụ T5 lập và ***Văn bản khai nhận di sản thừa kế*** do ông Nguyễn Văn T lập là đúng quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G *trình bày:* Ngày 03/02/2010, cụ Nguyễn Văn T4 và cụ Vương Thị T5 được UBND thành phố P cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số BA 551243 đối với thửa đất số 92, từ bản đồ 54, diện tích 870m^2 (100m^2 đất ở + 770m^2 đất trồng cây lâu năm), địa chỉ thửa đất tại tổ H, phường I, thành phố P. Ngày 08/11/2010, cụ T4, cụ T5 tặng cho ông Nguyễn Văn

T 454m^2 đất trồng cây lâu năm, đến ngày 12/12/2012 tiếp tục tặng cho ông Nguyễn Văn T 86m^2 đất trồng cây lâu năm nên còn lại 330m^2 đất gồm 100m^2 đất ở và 230m^2 đất trồng cây lâu năm. Ngày 20/4/2016, ông Nguyễn Văn T lập thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo nội dung Di chúc của cụ T4, cụ T5 tại Văn phòng C2, trên cơ sở hồ sơ thừa kế ông Nguyễn Văn T nộp thì ngày 06/6/2016 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ chỉnh lý phần diện tích còn lại (330m^2 đất gồm 100m^2 đất ở và 230m^2 đất trồng cây lâu năm) tại *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số BA 551243 do UBND thành phố P cấp ngày 03/02/2010 cho cụ Nguyễn Văn T4 và cụ Vương Thị T5 sang tên ông Nguyễn Văn T. Ông T xin cấp đổi Giấy chứng nhận nên ngày 13/6/2016 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp đổi *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số CD 606774 đứng tên ông Nguyễn Văn T đối với thửa đất số 171, tờ bản đồ 54, diện tích 330m^2 gồm 100m^2 đất ở và 230m^2 đất trồng cây lâu năm. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cho rằng trình tự, thủ tục xử lý hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T đã được thực hiện đúng quy định tại Khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai năm 2013, Khoản 2 Điều 79, Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 25/7/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

- Căn cứ Điều 235, khoản 3,5 Điều 26, Điều 34, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 157, Điều 165, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 137, 245, 670 Bộ luật Dân sự 2005;

- Áp dụng các Điều 92, 612, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tuyên bố những văn bản sau vô hiệu:

1.1. "Di chúc" đề ngày 17-6-2013 của cụ T4 *và cụ* T5 *được* Văn phòng C2*, tỉnh Gia Lai (nay là* văn phòng C3*) công chứng số 417, quyển số 4 VP/CC-HĐGD.*

1.2. "Văn bản khai nhận di sản thừa kế theo di chúc" được Văn phòng C2*, tỉnh Gia Lai công chứng số 222, quyển số 04 VP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/4/2016.*

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất có diện tích 330m^2 (100m^2 đất ở và 230m^2 đất TCLN) tại tổ H, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai *thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 54, tài sản gắn liền với đất là Nhà cấp 4B, 1 tầng, diện tích 99,66m^2 .*

- Phần đất mà ông Nguyễn Văn T *được chia thừa kế có diện tích 330m^2 (100m^2 đất ở và 230m^2 đất TCLN), có vị trí, tứ cận như sau:*

+ Phía Đông giáp đất của ông C1 *(thửa đất số 166) có chiều dài là 33m*

+ Phía Tây giáp đất của ông T *(thửa đất số 170) có chiều dài là 33m*

+ Phía Nam giáp đường N *có chiều dài 10m*

+ Phía Bắc giáp đất của ông T *(thửa đất số 170) có chiều dài là 10m*

(có sơ đồ thửa đất kèm theo)

Trên đất có:

+ 5 cây H *được trồng từ năm 2007;*

+ 1 cây me kinh doanh từ 6 đến 16 năm;

+ 2 cây lộc vừng từ 6 năm trở lên.

+ 01 nhà 01 tầng có kết cấu khung BTCT chịu lực, tường xây gạch trát vữa sơn nước, nền lát gạch ceramic 600 x 600mm, mái lợp tôn:

Nhà có diện tích 125m^2.

+ 02 Nhà xây không tô trát, nền bát tràng, không đóng trần, mái lợp ngói. Hiện trạng nhà: Có tường xây gạch bao quanh cao 1m; không có hệ thống cửa, đang sử dụng làm chòi quán cà phê; nhà có diện tích: 64m^2

+ Sân đường bê tông mặt đường đá 1x2 mã M200 dày 20cm có diện tích: 140,5m.

+ Tường dày 10cm, trụ 20x20cm, có hàng rào sắt và giằng BTCT, chiều cao bình quân của hàng rào sắt thoáng 2m; có diện tích: 25m.

+ Tường xây gạch ống dày 10cm, trụ 20x20cm, có giằng BTCT, chiều cao bình quân của tường và trụ 2m, quét vôi; có diện tích: 40,55m.

- *Ông* Nguyễn Văn T *phải thanh toán lại lại cho ông* Nguyễn Văn H*, ông* Nguyễn Văn T1*, bà* Nguyễn Thị Thu S*, bà* Nguyễn Thị Kim C*, bà* Nguyễn Thị Thu U*, bà* Nguyễn Thị Lâm T3*, bà* Nguyễn Thị Tuyết N1*, ông* Nguyễn Văn Q *mỗi người: 233.235.666 đồng.*

3. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 606774 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh G *cấp ngày 13/6/2016 đứng tên ông* Nguyễn Văn T.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Ông Nguyễn Văn H*, ông* Nguyễn Văn T*, ông* Nguyễn Văn T1*, bà* Nguyễn Thị Thu S*, bà* Nguyễn Thị Kim C*, bà* Nguyễn Thị Thu U*, bà* Nguyễn Thị Lâm T3*, bà* Nguyễn Thị Tuyết N1*, ông* Nguyễn Văn Q *mỗi người phải chịu 1.666.666 đồng.*

Do nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H *đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản nên ông* Nguyễn Văn T*, ông* Nguyễn Văn T1*, bà* Nguyễn Thị Thu S*, bà* Nguyễn Thị Kim C*, bà* Nguyễn Thị Thu U*, bà* Nguyễn Thị Lâm T3*, bà* Nguyễn Thị Tuyết N1*, ông* Nguyễn Văn Q *có nghĩa vụ trả lại ông* Nguyễn Văn H *mỗi người là 1.666.666 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.*

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- *Buộc ông* Nguyễn Văn T1*, bà* Nguyễn Thị Thu S*, bà* Nguyễn Thị Kim C*, bà* Nguyễn Thị Thu U*, bà* Nguyễn Thị Lâm T3*, bà* Nguyễn Thị Tuyết N1*, ông* Nguyễn Văn Q *mỗi người phải chịu 11.661.783 đồng.*

- *Buộc ông* Nguyễn Văn T *phải chịu 36.469.070 đồng.*

- *Buộc ông* Nguyễn Văn H *phải chịu 11.661.783 đồng, nhưng được trừ vào 21.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000077 ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai, hoàn trả ông* Nguyễn Văn H *9.338.217 đồng.*

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Bị đơn (ông Nguyễn Văn T) kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án không khách quan, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

Nguyên đơn (ông Nguyễn Văn H) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Thu U) kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định căn nhà cha mẹ để lại có diện tích 99,66m^2, còn nhà diện tích 25,34m^2 do ông T xây dựng thêm là không đúng, yêu cầu xác định nhà cha mẹ để lại có diện tích 125m^2, ông T chỉ xây dựng thêm chòi diện tích 64,5m^2; không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm trích công sức gìn giữ, bảo quản di sản cho ông T; đề nghị giao nhà đất của cha mẹ cho ông Nguyễn Văn H quản lý, sử dụng dùng vào việc thờ cúng, các đồng thừa kế sẽ thanh toán kỷ phần thừa kế ông T được hưởng cho ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo,

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: ***Di chúc*** do cụ T4, cụ T5 khi minh mẫn, tự nguyện lập tại Văn phòng C2 ngày 17/6/2013 để lại 330m^2 đất gồm 100m^2 đất ở, 230m^2 đất trồng cây lâu năm, trên đất gắn liền Nhà cấp 4 B, 1 tầng diện tích xây dựng 99,66m^2 để làm nhà từ đường, giao cho ông Nguyễn Văn T quản lý dùng vào việc thờ cúng là hợp pháp, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố ***Di chúc*** vô hiệu là không đúng. Theo nội dung ***Di chúc*** thì ông Nguyễn Văn T chỉ được cụ T4, cụ T5 giao quản lý di sản là quyền sử dụng 330m^2 đất gồm 100m^2 đất ở, 230m^2 đất trồng cây lâu năm, trên đất gắn liền Nhà cấp 4 B, 1 tầng diện tích xây dựng 99,66m^2 để làm nhà từ đường, thờ cúng ông bà, ông T có quyền thu hoa lợi để tu bổ nhà từ đường, giỗ chạp, hương khói, nhưng ông T sau khi lập Văn bản khai nhận di sản thừa kế theo nội dung Di chúc đã lập thủ tục xin và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số phát hành CD 606774 ngày 13/6/2016 đứng tên ông Nguyễn Văn T quyền sử dụng thửa đất số 171, tờ bản đồ số 54, tổ H, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai diện tích 330m^2 gồm 100m^2 đất ở và 230m^2 đất trồng cây lâu năm mà không ghi chú hạn chế quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T là không đúng pháp luật, trái nội dung Di chúc, làm ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác đối với di sản của cụ T4, cụ T5. Vì các lý do trên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số phát hành CD 606774 mà Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp cho ông Nguyễn Văn T ngày 13/6/2016, không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn H và một số đồng thừa kế khác.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ việc hỏi và tranh luận; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai vắng mặt Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G đã nhận được Giấy triệu tập phiên tòa 2 lần (Lần thứ nhất nhận ngày 20/11/2003 người nhận ký tên *"Xiêm"* tại Phiếu báo P của Bưu điện V1 số EA558932888VN, lần thứ hai nhận ngày 18/01/2024 người nhận ký tên *"L1"* tại Phiếu báo phát của Bưu điện V1 số EB550993909VN), nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G.

[2] Vợ chồng cụ Nguyễn Văn T4 (sinh 1937), cụ Vương Thị T5 (sinh 1937) không nuôi con nuôi, không ai có con riêng mà có 10 con chung gồm: ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1960), ông Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1962), ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1964), bà Nguyễn Thị Thu S (sinh năm 1966), ông Nguyễn Văn T2 (sinh năm 1968), bà Nguyễn Thị Kim C (sinh năm 1971), bà Nguyễn Thị Thu U (sinh năm 1973), bà Nguyễn Thị Lâm T3 (sinh năm 1975), ông Nguyễn Văn Q (sinh

năm 1977) và bà Nguyễn Thị Tuyết N1 (sinh năm 1981). Cụ T4 và cụ T5 tạo lập và được UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số phát hành BA 551243 ngày 03/02/2010 đối với thửa đất số 92, tờ bản đồ số 54, diện tích 870m^2 (gồm 100m^2 đất ở, 770m^2 đất trồng cây lâu năm). Sau 2 lần tặng cho ông Nguyễn Văn T 540m^2 đất trồng cây lâu năm (lần thứ nhất 454m^2, lần thứ hai 86m^2) thì tính đến ngày 12/12/2012 cụ T4, cụ T5 còn lại quyền sử dụng 330m^2 đất gồm 100m^2 đất ở, 230m^2 đất trồng cây lâu năm, gắn liền trên đất là Nhà cấp 4B 1 tầng, diện tích xây dựng 99,66m^2. Ngày 17/6/2013, cụ T4, cụ T5 lập ***Di chúc*** tại Văn phòng C2, tỉnh Gia Lai (nay là Văn phòng C3) với ý nguyện: *"Tài sản chung của vợ chồng chúng tôi là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 551243 do* UBND thành phố P*, tỉnh Gia Lai cấp ngày 03/2/2010 đối với thửa đất số 92, tờ bản đồ số 54,* tổ H, phường H, T, tỉnh Gia Lai*, diện tích 330m^2 gồm 100m^2 đất ở và 230m^2 đất trồng cây lâu năm gắn liền với đất là nhà cấp 4 B, 1 tầng, diện tích xây dựng 99,66m^2...Sau khi chúng tôi chết, tài sản nêu trên của chúng tôi được dùng để làm nhà từ đường, thờ cúng ông bà, giao cho con trai chúng tôi là* Nguyễn Văn T *quản lý, sử dụng, thu hoa lợi, để tu bổ nhà từ đường và giỗ chạp, hương khói, không được chuyển nhượng, hoặc thế chấp"*. Xét thấy, cụ T4, cụ T5 tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 92, tờ bản đồ số 54, diện tích 870m^2 gồm 100m^2 đất ở và 770m^2 đất trồng cây lâu năm, sau khi cho ông Nguyễn Văn T hai lần tổng cộng 540m^2 đất trồng cây lâu năm, còn lại 330m^2 đất gồm 100m^2 đất ở và 230m^2 đất trồng cây lâu năm, gắn liền Nhà cấp 4B 1 tầng diện tích xây dựng 99,66m^2 và ngày 17/6/2013 cụ T4, cụ T5 tự nguyện lập ***Di chúc*** được Văn phòng C2 để lại 330m^2 đất gồm 100m^2 đất ở và 230m^2 đất trồng cây lâu năm, gắn liền Nhà cấp 4B 1 tầng diện tích xây dựng 99,66m^2 dùng vào việc thờ cúng, giao cho ông Nguyễn Văn T quản lý, sử dụng thu hoa lợi để tu bổ nhà từ đường và giỗ chạp, hương khói nên theo quy định tại các Điều 647, 648, 652, 653, 658, 670 của Bộ luật dân sự 1995 (nay là các Điều 625, 626, 630, 631, 636, 645 của 645 Bộ luật dân sự 2015) thì ***Di chúc*** trên hợp pháp nên có hiệu lực, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố ***Di chúc*** vô hiệu là không đúng pháp luật.

[3] Ngày 03/12/2015 cụ T4 chết, ngày 26/11/2013 cụ T5 chết và ngày 20/4/2016 tại Văn phòng C2, ông Nguyễn Văn T lập Văn bản khai nhận di sản thừa kế theo ***Di chúc*** được Văn phòng C2 công chứng việc ông Nguyễn Văn T khai nhận di sản cha mẹ chết để lại để "*Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo nội dung Di chúc"* là không trái pháp luật. Tuy nhiên, sau khi có Văn bản khai nhận di sản thừa kế, ông T xin và ngày 06/6/2016 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ chỉnh lý "*Thay thửa đất 92 thành thửa đất 171 do đánh lại số thứ tự theo bản đồ địa chính, để thừa kế cho ông* Nguyễn Văn T*"* tại trang sau *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* do UBND thành phố P cấp cho cụ T4, cụ T5 ngày 03/02/2010 đối với thửa đất số 92, tờ bản đồ số 54, diện tích 870m^2 gồm 100m^2 đất ở và 770m^2 đất trồng cây lâu năm và ngày 13/6/2016 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp đổi *Giấy chứng nhận*

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CD 606774 *công nhận ông* Nguyễn Văn T *có quyền sử dụng* thửa đất số 171, tờ bản đồ số 54, tổ H, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai diện tích 330m^2 gồm 100m^2 đất ở và 230m^2 đất trồng cây lâu năm, mà không ghi chú hạn chế quyền sử dụng đất của ông T (chỉ được sử dụng đất vào mục đích thờ tự, không được chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp) là trái với ý nguyện hợp pháp của Người để lại di sản dùng vào việc thờ cúng, không đúng quy định tại Điều 211 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 100 và khoản 3 Điều 131 Luật Đất đai năm 2013, điểm i khoản 1 Điều 5 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014.

[4] Ông Nguyễn Văn H khởi kiện cho rằng nội dung Di chúc thể hiện cha mẹ chỉ giao cho ông Nguyễn Văn T quản lý sử dụng 330m^2 đất gồm 100m^2 đất ở, 230m^2 đất trồng cây lâu năm gắn liền đất là Nhà cấp 4 B, 1 tầng diện tích xây dựng 99,66m^2 dùng vào việc thờ cúng, nhưng ông T làm Văn bản khai nhận di sản thừa kế, rồi làm thủ tục xin và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai thành phố Đ chỉnh lý và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp đổi Giấy chứng nhận đứng tên ông Nguyễn Văn T quyền sở hữu nhà đất là không đúng, hiện ông T còn rao bán nhà đất là trái ý nguyện của cha mẹ, ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế. Xét, tuy ông H có yêu cầu Tòa án tuyên bố Di chúc và Văn bản khai nhận di sản thừa kế vô hiệu, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp cho ông Nguyễn Văn T ngày 13/6/2016 và yêu cầu chia thừa kế di sản thừa kế của cha mẹ theo pháp luật, nhưng ông H trình bày nguyện vọng của ông H cũng như các đồng thừa kế khác (ngoài ông T) là đề nghị Tòa án giao di sản cho ông H quản lý, sử dụng dùng vào việc thờ cúng theo nguyện vọng của cha mẹ, ông H và các thừa kế khác sẽ thanh toán kỷ phần ông T được hưởng cho ông T. Tuy có 5 đồng thừa kế gồm ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Thu S, bà Nguyễn Thị Thu U và bà Nguyễn Thị Kim C có đề nghị chia di sản thừa kế, thanh toán kỷ phần thừa kế cho riêng ông Nguyễn Văn T, nhưng toàn bộ các thừa kế đều chung nguyện vọng để nhà đất dùng vào việc thờ cúng theo đúng ý nguyện của cha mẹ trong ***Di chúc*** và đa số các thừa kế (9/10 tính cả ông H) đều đề nghị giao nhà đất cho ông H quản lý, sử dụng dùng vào việc thờ cúng, chỉ riêng ông Nguyễn Văn T không đồng ý chia thừa kế di sản và không đồng ý giao nhà đất cho ông H quản lý, sử dụng vì ông T đã và đang quản lý, sử dụng nhà đất dùng vào việc thờ cúng đúng ý nguyện của cha mẹ.

[5] Xét, như phân tích tại mục [3] thì ***Di chúc*** cụ T4, cụ T5 lập ngày 17/6/2013 tại Văn phòng C2 để lại 330m^2 đất gồm 100m^2 đất ở và 230m^2 đất trồng cây lâu năm, gắn liền Nhà cấp 4B 1 tầng diện tích xây dựng 99,66m^2 dùng vào việc thờ cúng, giao cho ông Nguyễn Văn T quản lý, sử dụng thu hoa lợi để tu bổ nhà từ đường và giỗ chạp, hương khói là hợp pháp nên có hiệu lực pháp luật. Tuy có 5 thừa kế đề nghị chia di sản, nhưng họ không yêu cầu nhận kỷ phần mà giao cho ông H quản lý, sử dụng dùng vào việc thờ cúng theo đúng ý nguyện của cha mẹ trong ***Di chúc*** và đồng ý thanh toán kỷ phần thừa kế cho riêng ông Nguyễn Văn T; như vậy, toàn bộ các thừa kế (kể cả ông Nguyễn Văn T) đều thống nhất phải tuân

theo ý nguyện của cụ T4, cụ T5 khi lập Di chúc là để lại di sản dùng vào việc thờ cúng và 9/10 thừa kế đều đề nghị thay đổi người quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng từ ông Nguyễn Văn T sang ông Nguyễn Văn H và 9 thừa kế đều có yêu cầu Tòa án hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số phát hành CD 606774 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp đứng tên riêng *"ông* Nguyễn Văn T*"* ngày 13/6/2016; do đó, lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải thụ lý vụ án *"Tranh chấp liên quan đến yêu cầu thay đổi người quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* mới đúng quy định của pháp luật tại Điều 670 Bộ luật Dân sự năm 1995 (Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2015) và khoản 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Do Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý không đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (là các đồng thừa kế di sản của cụ T4, cụ T5) nên chưa xem xét, giải quyết đúng yêu cầu của các đương sự nên cấp phúc thẩm không thể sửa bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số phát hành CD 606774 mà Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp cho ông Nguyễn Văn T ngày 13/6/2016 và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn H mà cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết đúng quan hệ tranh chấp, khi giải quyết vụ án phải hủy chỉnh lý do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ thực hiện ngày 06/6/2016 tại trang sau *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* do UBND thành phố P cấp cho cụ T4, cụ T5 ngày 03/02/2010 đối với thửa đất số 92, tờ bản đồ số 54, diện tích 870m^2 gồm 100m^2 đất ở và 770m^2 đất trồng cây lâu năm (nội dung chỉnh lý: "*Thay thửa đất 92 thành thửa đất 171 do đánh lại số thứ tự theo bản đồ địa chính, để thừa kế cho ông* Nguyễn Văn T*"*) và hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số phát hành CD 606774 mà Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp cho ông Nguyễn Văn T ngày 13/6/2016 và xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện thay đổi người quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng, việc kiến nghị cơ quan Nhà nước có cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dùng vào việc thờ cúng đứng tên ai để dùng vào việc thờ cúng phải căn cứ kết quả giải quyết giao di sản thờ cúng cho ai quản lý, sử dụng vào việc thờ cúng và quy định tại Điều 211 Bộ luật dân sự năm 2015, Khoản 5 Điều 100 và khoản 3 Điều 131 Luật Đất đai năm 2013, điểm i khoản 1 Điều 5 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thờ cúng (phải ghi chú hạn chế quyền sử dụng đất thờ cúng là chỉ được sử dụng vào mục đích thờ tự, không được chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp). Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm nên hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm các đương sự đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Hoàn lại ông Nguyễn Văn T 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000324 ngày 07/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Hoàn lại ông Nguyễn Văn H 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000330 ngày 18/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Hoàn lại ông Nguyễn Văn T1 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000331 ngày 18/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Hoàn lại bà Nguyễn Thị Thu U 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000332 ngày 18/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai (kèm hồ sơ vụ án để giải quyết sơ thẩm lại);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân